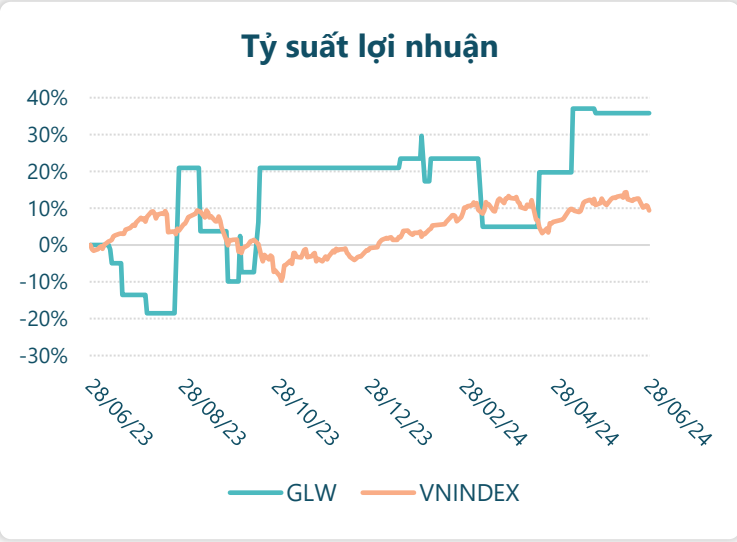


Ngày	10,700 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	29.4%	12.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,420 - 10,797
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	193
Số lượng CPLH (CP)	18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	95
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.10
EPS	555
P/E	19.3



Doanh thu thuần
Q2/24

20.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.40 | 13.6%

YoY: ▲ 4.20 | 26.5%

Nợ/VCSH
Q2/24

3.6%

YoY: +/-▲ 0.5%

LN gộp
Q2/24

8.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.40 | 42.8%

YoY: ▲ 4.02 | 101%

ROE (TTM)
Q2/24

5.2%

YoY: +/-▲ 1.7%

LN trước thuế
Q2/24

5.72

tỷ VNĐ

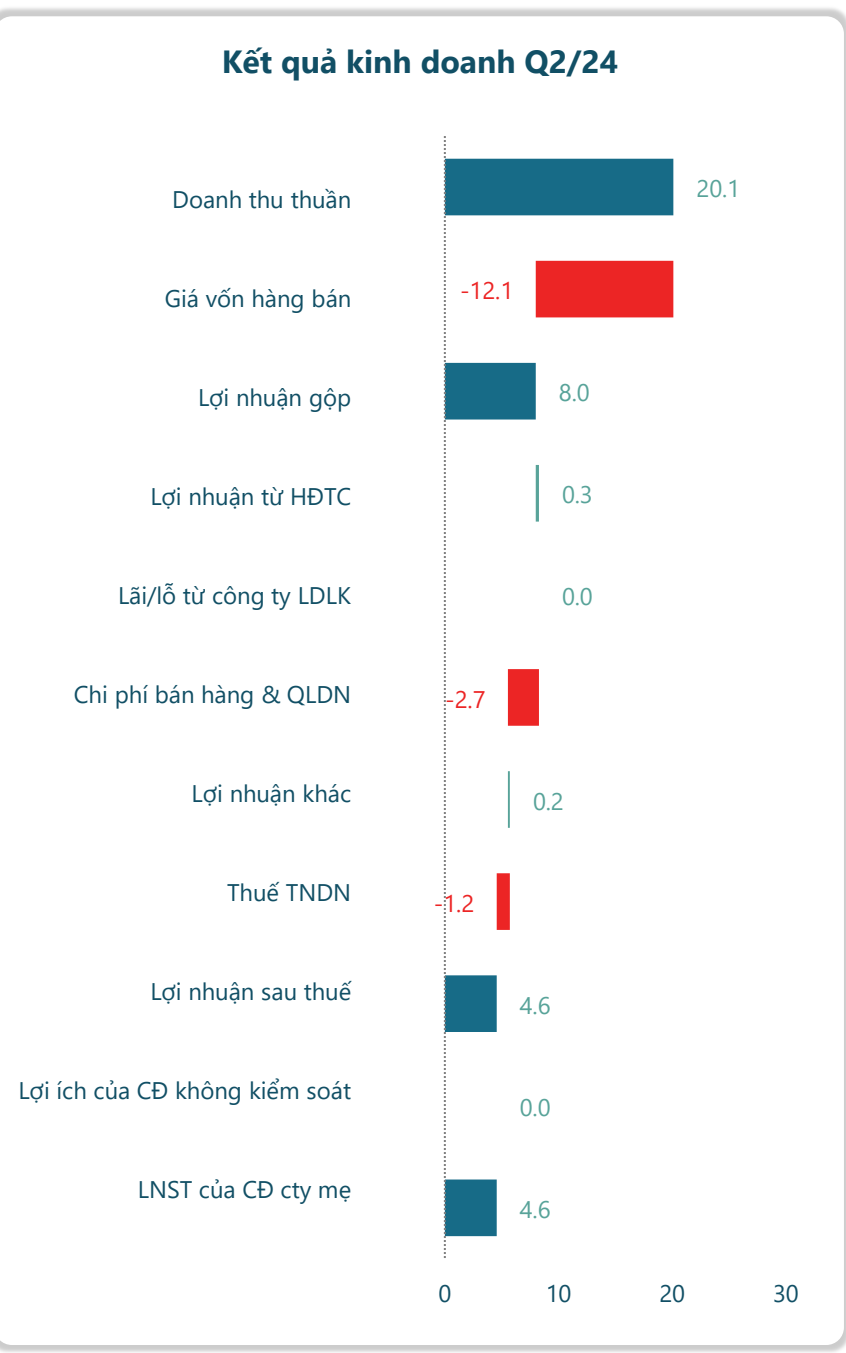
QoQ: ▲ 1.99 | 53.4%

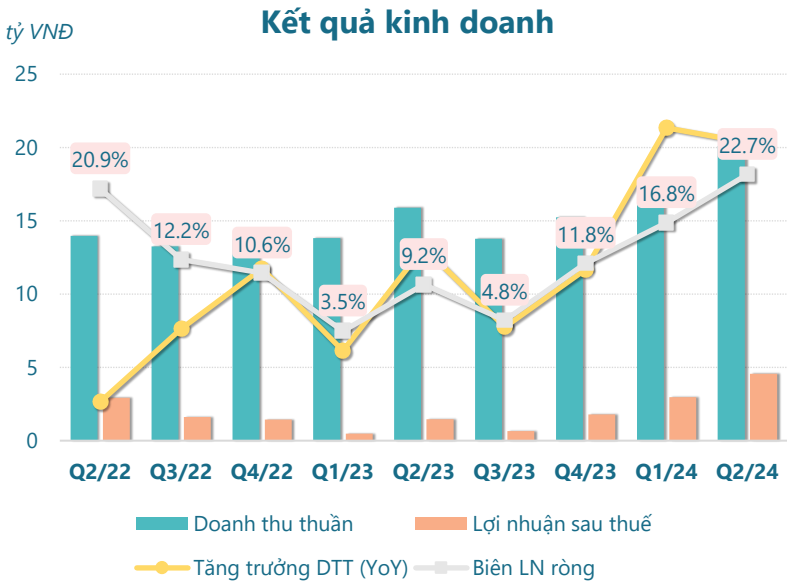
YoY: ▲ 3.87 | 209%

ROA (TTM)
Q2/24

5.1%

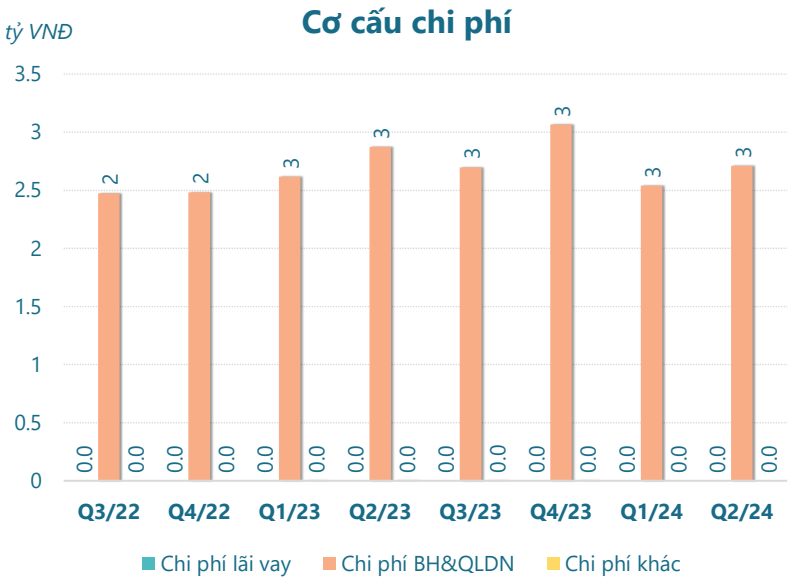
YoY: +/-▲ 1.7%





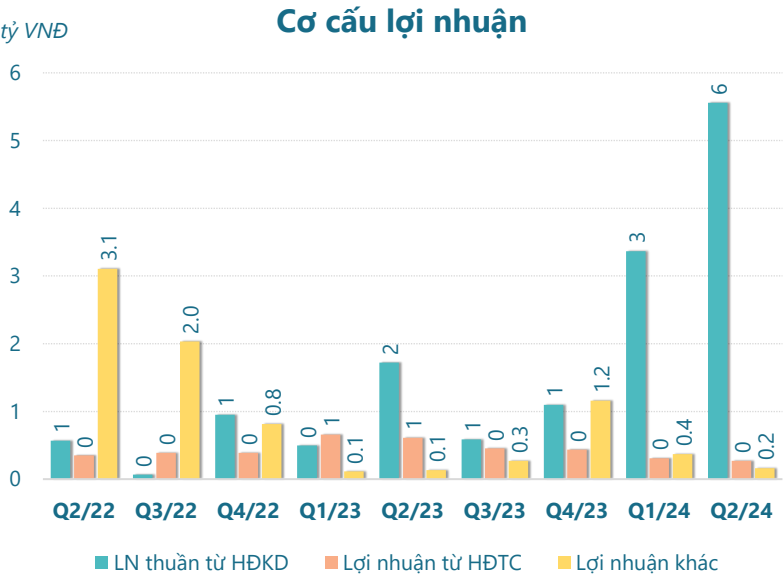
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 5.56 tỷ đồng**, tăng thêm 65.0% so với kỳ trước và cao hơn 223% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.27 tỷ đồng**, giảm đi 12.9% so với kỳ trước và thấp hơn 55.7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.16 tỷ đồng**, giảm đi 56.8% so với kỳ trước và cao hơn 23.1% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **GLW** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **20.11 tỷ đồng** tăng thêm **26.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 4.56 tỷ đồng, tăng trưởng 212%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **38.00 tỷ đồng** cao hơn 26.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 8.00 tỷ đồng** cao hơn 300% so với cùng kỳ năm trước.



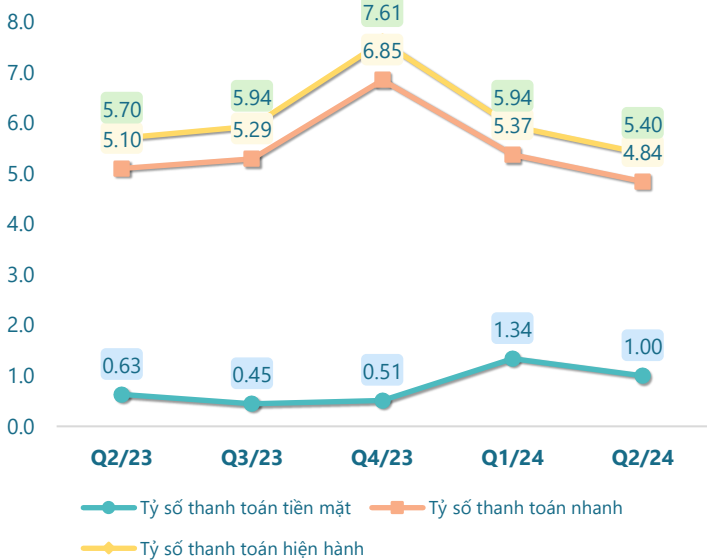
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **2.71 tỷ đồng** tăng thêm 6.69% so với kỳ trước và thấp hơn 5.57% so với cùng kỳ năm trước.

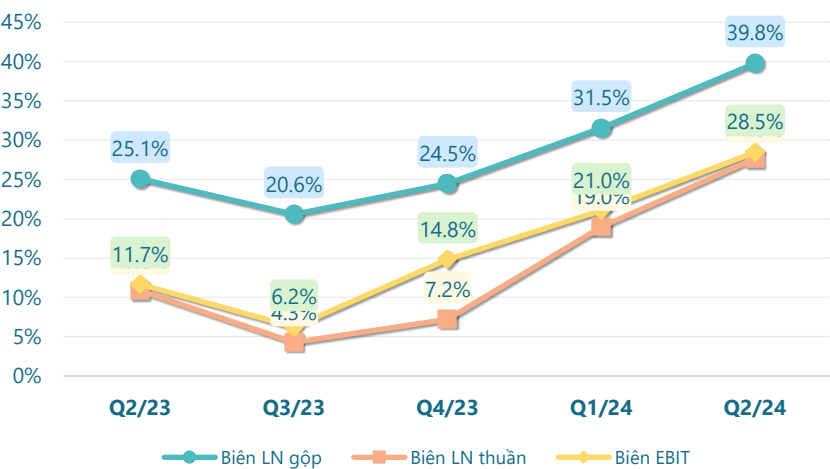
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	20.1	17.7	13.6%	15.9	26.5%	37.9	29.7	27.4%
Giá vốn hàng bán	12.1	12.2	-0.7%	11.9	1.8%	24.3	23.3	4.3%
Lợi nhuận gộp	8.00	5.60	42.8%	3.98	101%	13.6	6.44	111%
Doanh thu HĐTC	0.27	0.31	-12.5%	0.61	-55.5%	0.58	1.27	-54.4%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.00		0.00	0.00	-66.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.07	1.01	6.4%	1.17	-8.1%	2.09	2.30	-9.4%
Chi phí QLDN	1.64	1.53	6.9%	1.71	-4.3%	3.17	3.19	-0.8%
LN thuần từ HĐKD	5.56	3.37	64.9%	1.72	223%	8.92	2.22	302%
Lợi nhuận khác	0.16	0.37	-55.9%	0.13	25.6%	0.53	0.24	117%
LN trước thuế	5.72	3.73	53.4%	1.85	209%	9.46	2.46	284%
Lợi nhuận sau thuế	4.56	2.97	53.6%	1.46	212%	7.54	1.93	290%
LNST của CĐ cty mẹ	4.56	2.97	53.6%	1.46	212%	7.54	1.93	290%

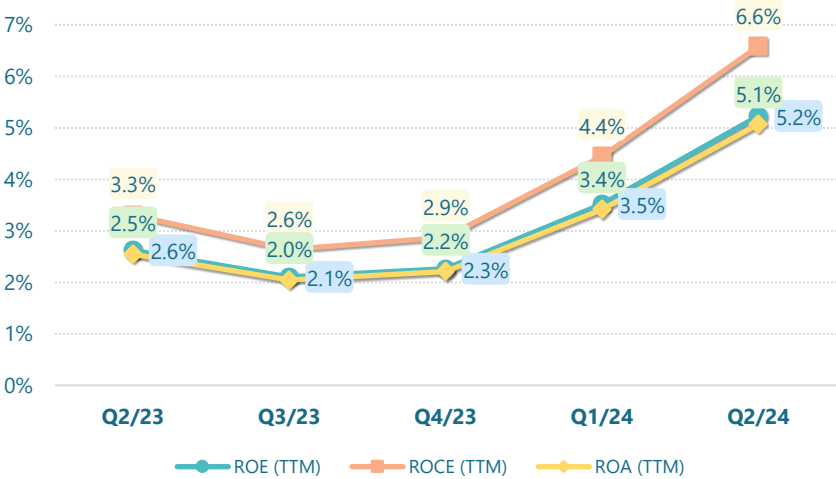
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

